**Quy trình 20: Quy trình sản xuất cây đậu đũa**

*(Vigna unguiculata* ssp.*)*

**Phần I. QUY TRÌNH SẢN XUẤT**

**1. Thông tin chung**

1.1. Xuất xứ của quy trình

Tham khảo Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum và thực tế sản xuất đậu đũa tại địa phương.

1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này bao gồm kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý sinh vật gây hại, thu hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng đậu đũa tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

Năng suất bình quân: 13 tấn/ha.

# 3. Nội dung quy trình

3.1. Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh

a) Nhiệt độ: Đậu đũa thích khí hậu nóng, yêu cầu nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ ban ngày thích hợp là 25 - 350C, nhiệt độ ban đêm không dưới 150C. Từ tháng 3 đến tháng 10 là những tháng có nhiệt độ thích hợp cho đậu đũa sinh trưởng và phát triển.

b) Ánh sáng:Đậu đũa yêu cầu ánh sáng tương đối nghiêm ngặt. Có 02 loại: một loại phản ứng với ánh sáng ngày ngắn. Giờ chiếu sáng 10 giờ/ngày thì ra hoa. Loại còn lại phản ứng với nhiệt độ, loại này cần lượng nhiệt độ nhất định mới ra hoa. Đa phần giống đậu đũa phản ứng với nhiệt độ.

c) Đất đai:Đậu đũa có thể trồng trên nhiều loại đất, nhưng thích hợp là đất cát pha, độ phì cao, độ pH trung tính 6 - 7. Đất trồng đậu đũa cần chủ động tưới tiêu thoát nước.

3.2. Kỹ thuật trồng và chăm sóc

a) Chọn giống: Sử dụng các giống đậu đũa đã được công nhận lưu hành; có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với vùng sinh thái, vụ sản xuất và yêu cầu thị trường; chất lượng giống tốt, đồng đều, sinh trưởng phát triển khỏe, năng suất cao, phẩm chất tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b) Thiết kế vườn trồng

Cày bừa thật kỹ, tơi xốp, bẳng phẳng; làm sạch cỏ dại, tàn dư thực vật trước khi trồng.

Làm luống cao hay thấp phụ thuộc vào tầng đất mặt và mực nước cấp nơi canh tác. Thông thường làm luống cao 15 - 20 cm, rộng 120 - 140 cm, rãnh rộng 20 - 25 cm, bằng phẳng, dễ thoát nước để tránh ngập úng khi gặp trời mưa.

c) Mật độ và khoảng cách trồng

- Mật độ trồng: 66.666 cây/ha

- Khoảng cách trồng: hàng cách hàng 60 cm, cây cách cây 25 cm

d) Thời vụ: Đậu đũa có thể trồng được nhiều vụ trong năm: Đông Xuân, Hè Thu, Mùa

đ) Kỹ thuật trồng

- Tiến hành ngâm hạt giống với nước ấm ở nhiệt độ khoảng 400C trong vòng 3-4 tiếng, sau đó vớt ra, ủ vào khăn ẩm cho nứt nanh rồi đem gieo.

- Hạt được gieo trực tiếp vào hốc sâu không quá 1cm, lúc gieo hạt đặt mầm hạt úp xuống đất. Gieo xong phủ bổ sung một lớp vật liệu mềm (tro trấu, xơ dừa, đất bột...) lên bề mặt hốc để hạt nẩy mầm tốt và giúp bộ rễ cây con phát triển nhanh.

- Trồng dặm: Sau gieo 3 - 4 ngày cây mọc mầm thì tiến hành dặm hạt.

- Cắm giàn: Khi đậu bắt đầu có tua cuốn thì tiến hành cắm giàn hình chữ X, cao khoảng 1,5 - 2 m, được buộc chắc chắn bằng các nẹp ngang.

e) Chăm sóc

Tưới nước: Sau khi gieo hạt không được tưới nước sẽ làm thối hạt. Khi cây mọc, bắt đầu tưới ẩm thường xuyên, độ ẩm thích hợp 55 - 65%. Giai đoạn nụ, hoa, quả rộ và quả đang lớn yêu cầu nhiều nước.

Bón phân

- Bón lót: Sau khi lên luống xong tiến hành bón lót. Bón toàn bộ phân bón hữu cơ/hữu cơ vi sinh, phân lân, vôi và 35% phân kali, rải đều vào giữa luống trước khi gieo hạt. Sau khi bón lót xong, tiến hành lấp đất kín phân không để hạt tiếp xúc trực tiếp với phân dễ bị thối, hỏng không đảm bảo mật độ.

- Bón thúc: Tiến hành bón thúc toàn bộ lượng phân bón còn lại; lượng bón chia làm 3 lần bón, cụ thể như sau: Bón lần 1 khi cây có 2 - 3 lá; lần 2 sau khi cây bắt đầu phân cành; lần 3 sau khi thu quả 1 - 2 lần. Khi bón thúc cần kết hợp xới, vun gốc.

g) Quản lý sinh vật gây hại

Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

**Một số sinh vật gây hại chính, biện pháp phòng chống**

*Sâu bệnh hại chính:* rệp, rầy mềm, dòi đục lá, sâu đục quả; bệnh lở cổ rễ, gỉ sắt, đốm lá vi khuẩn.

*Biện pháp phòng chống*

- Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng và tiêu hủy tàn dư thực vật; có hệ thống mương rãnh cấp, thoát nước tốt; chủ động tưới tiêu; sử dụng phân hữu cơ hoai mục, bón phân cân đối; sử dụng giống kháng, giống chống chịu; luân canh, xen canh hợp lý với cây trồng khác họ nhằm hạn chế sự phát sinh, phát triển của sinh vật gây hại.

- Ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non, lá bị sâu bệnh hại nặng đem tiêu hủy... khi mật độ sâu thấp.

- Sử dụng sản phẩm có nấm đối kháng *Trichoderma* ủ với phân hữu cơ hoai mục; sử dụng các chế phẩm sinh học; bẫy dính màu vàng, màu xanh để thu hút trưởng thành có cánh như dòi đục lá, rệp...

- Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc, có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn, chóng phân hủy và ít ảnh hưởng đến các loài thiên địch có ích trên ruộng.

3.3 Thu hoạch

Thu hoạch khi quả bắt đầu nổi hạt. Cần thu hái nhẹ nhàng để tránh làm đứt dây, gãy quả, dập nát, hư hỏng. Đậu đũa ra hoa tập trung và lớn nhanh, vì vậy thời gian thu hoạch liên tục từng ngày; đảm bảo thời gian cách ly sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi tiến hành thu hái.

# Phần II. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG

Quy mô: 01 ha; khoảng cách: 60 cm x 25 cm; mật độ: 66.666 hốc/ha.

**1. Định mức về vật tư nông nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Giống | Kg | 3 |
| 2 | Vôi nông nghiệp | Kg | 1.000 |
| 3 | Phân chuồng | Kg | 15.000 |
| Phân hữu cơ vi sinh | Kg | 1.000 |
| 4 | Nấm đối kháng *Trichoderma* | Kg | 13 |
| 5 | Super Lân | Kg | 375 |
| 6 | Urê | Kg | 200 |
| 7 | Kali clorua (KCL) | Kg | 100 |
| 8 | Thuốc bảo vệ thực vật | Kg (lít) | 15 |

**2. Định mức công lao động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Làm đất | Công | 10 |
| 2 | Lên luống | Công | 20 |
| 3 | Làm giàn | Công | 10 |
| 4 | Gieo hạt | Công | 8 |
| 5 | Bón phân | Công | 20 |
| 6 | Phun thuốc | Công | 20 |
| 7 | Chăm sóc | Công | 20 |
|  | **Tổng cộng** | **Công** | **98** |